

Phụ lục
BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 29/8/2022
của UBND tỉnh Quảng Nam)

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|---|--------------|--|--------------------|-----------|-----------|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| 1 | Giao thông | 1.1. Đường trục chính thôn | | | |
| | | - Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm | ≥ 80% | 100% | 100% |
| | | - Cắm mốc đầy đủ hành lang đường trục chính thôn theo quy hoạch NTM được duyệt (kể cả theo quy hoạch điều chỉnh, bổ sung) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Có biển báo giao thông đầu các đường trục chính thôn (<i>biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...</i>) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Đường phải có tổ chức quản lý ở mỗi trục đường trục thôn và được cắm biển tổ chức quản lý | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Tỷ lệ đường trục chính thôn có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10 m) | ≥ 70% | ≥ 80% | ≥ 80% |
| | | - Có ít nhất 02 tuyến đường hoa ⁽¹⁾ được tổ tự quản hoặc Hội đoàn thể thực hiện quản lý, chăm sóc | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 1.2. Đường ngõ, xóm | | | |
| | | - Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm | ≥ 70% | ≥ 90% | ≥ 90% |
| | | - Đường phải có tổ chức quản lý ở mỗi trục đường ngõ, xóm. Mỗi đoạn đường ngang qua nhà dân đều có phân giao cho các hộ giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp | Đạt | Đạt | Đạt |
| - Tỷ lệ đường ngõ, xóm có cây xanh, cây bóng mát (cây cách cây tối đa 10 m) | ≥ 70% | ≥ 80% | ≥ 80% | | |
| 2 | Điện | 2.1. Hệ thống điện trên địa bàn thôn đạt chuẩn; dây điện sau công tơ có trụ đỡ trung gian đảm bảo chắc chắn, được bó gọn, đảm bảo an toàn điện | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 2.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện | ≥ 97% | ≥ 99% | ≥ 99% |
| | | 2.3. Tỷ lệ các tuyến đường trục chính thôn có hệ thống điện chiếu sáng, trụ chiếu sáng đảm bảo kỹ thuật và được quản lý, duy tu để đảm bảo chiếu sáng | ≥ 50% | ≥ 80% | ≥ 80% |

(¹) Các loại hoa, cây cảnh đường hoa được lựa chọn phù hợp với điều kiện tự nhiên và thích ứng với thời tiết, chiều dài theo điều kiện thực tế của địa phương do UBND cấp huyện quy định để thực hiện đảm bảo mỹ quan, đẹp.

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|----|---|---|--------------------|-----------|-----------|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | | 2.4. Tỷ lệ các tuyến đường ngõ, xóm của thôn có hệ thống điện chiếu sáng, trụ chiếu sáng đảm bảo kỹ thuật và được quản lý, duy tu, bảo dưỡng để đảm bảo chiếu sáng | ≥ 50% | ≥ 80% | ≥ 80% |
| | | 2.5. Không còn trụ điện, trụ viễn thông sau khi mở đường nằm trong mặt đường, ảnh hưởng đến an toàn giao thông và cảnh quan nông thôn | Đạt | Đạt | Đạt |
| 3 | Vườn và nhà ở hộ gia đình | 3.1. Vườn hộ gia đình | | | |
| | | - Tỷ lệ hộ có vườn (vườn từ 1.000 m ² trở lên, vườn gắn với nhà ở) được chỉnh trang ⁽²⁾ | ≥ 80% | ≥ 90% | ≥ 90% |
| | | - Tỷ lệ hộ có vườn trên địa bàn thôn đạt tiêu chí vườn mẫu do UBND cấp huyện quy định ⁽³⁾ | ≥ 40% | ≥ 50% | ≥ 45% |
| | | 3.2. Tường rào, cổng ngõ: Tỷ lệ hộ có tường rào (tường rào bằng bê tông, xây gạch, lát đá, tường rào bằng cây xanh hoặc tường rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa), cổng ngõ được xây dựng khang trang, cải tạo sạch đẹp, hài hoà với cảnh quan làng quê | ≥ 50% | ≥ 60% | ≥ 55% |
| | | 3.3. Nhà ở | | | |
| | | - Không có nhà tạm, nhà dột nát | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố | ≥ 75% | ≥ 85% | ≥ 90% |
| | | - Tỷ lệ hộ có hệ thống thu gom hoặc xử lý nước thải tự thấm trong nhà không gây ô nhiễm môi trường và các công trình phụ trong nhà được bố trí phù hợp | ≥ 80% | ≥ 90% | ≥ 95% |
| | | - Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch | ≥ 70% | ≥ 85% | ≥ 90% |
| 4 | Phát triển sản xuất, kinh doanh và lao động qua đào tạo | 4.1. Phát triển sản xuất, kinh doanh | | | |
| | | - Trên địa bàn thôn có ít nhất 01 mô hình/dự án phát triển sản xuất đang thực hiện có hiệu quả hoặc có ít nhất 01 sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên đang hoạt động kinh doanh có hiệu quả (có lãi trong năm đánh giá) | Đạt | Đạt | Đạt |

(²) Chỉnh trang: Vườn được cải tạo hợp lý, tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp; lựa chọn các loại cây trồng do ngành nông nghiệp khuyến cáo, phù hợp với quy hoạch sản xuất hàng hóa của địa phương, có giá trị kinh tế nâng cao thu nhập; không còn các loại cây tạp trong vườn; sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn thực phẩm.

(³) Tiêu chí vườn mẫu do UBND cấp huyện quy định, cần có các tiêu chí cơ bản sau: (i) Diện tích: Từ 1.000 m² trở lên, vườn gắn với nhà ở (ii) vườn có bản vẽ sơ bộ về quy hoạch - thiết kế vườn hộ và thực hiện đúng bản vẽ quy hoạch - thiết kế đã đề ra đảm bảo vườn sắp xếp khoa học, môi trường cảnh quan của vườn; (iii) vườn có ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (trái tiêu tiên tiến, tiết kiệm, ứng dụng công nghệ sinh học, cơ giới hóa...); (iv) sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn thực phẩm; (v); thu nhập tối thiểu tạo ra từ vườn trong năm.

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|----|----------------------------|--|--|--|--|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | | - Tỷ lệ hộ dân sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản) trên địa bàn thôn ký cam kết và thực hiện đúng cam kết: Không lạm dụng hoá chất hoặc sử dụng chất cấm trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến | 100% | 100% | 100% |
| | | - Không có hộ sản xuất, kinh doanh các mặt hàng vi phạm các quy định hiện hành của Nhà nước | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 4.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của người dân trên địa bàn thôn (trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp chứng chỉ) | $\geq 35\%$ (trong đó có bằng cấp chứng chỉ $\geq 20\%$) | $\geq 60\%$ (trong đó có bằng cấp chứng chỉ $\geq 25\%$) | $\geq 75\%$ (trong đó có bằng cấp chứng chỉ $\geq 30\%$) |
| 5 | Thu nhập và nghèo đa chiều | 5.1. Thu nhập (thu nhập bình quân đầu người/năm, được tính trong cùng thời điểm xét công nhận) | Cao hơn ít nhất 5% so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm trên địa bàn toàn xã | Cao hơn ít nhất 3% so với thu nhập bình quân đầu người/năm của quy định tiêu chí thu nhập xã NTM | Cao hơn ít nhất 5% so với thu nhập bình quân đầu người/năm của quy định tiêu chí thu nhập xã NTM |
| | | 5.2. Nghèo đa chiều (theo tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) | Thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của xã ít nhất 6% (không tính hộ nghèo không có khả năng lao động) | Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn $\leq 2\%$ (không tính hộ nghèo không có khả năng lao động) | Thôn không còn hộ nghèo (không tính hộ nghèo không có khả năng lao động) |
| 6 | Văn hóa, giáo dục, y tế | 6.1. Văn hóa | | | |
| | | a. Nhà văn hóa thôn (hoặc nhà làng truyền thống đối với các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số) | | | |
| | | - Có nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định, có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Nhà văn hoá thôn có tường rào, cổng ngõ; khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa. Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa của nhà văn hóa thôn tối thiểu | Đạt | Đạt | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|----|--------------|--|-------------------------------------|--|--|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | | là 20% (phần diện tích đất trống của khuôn viên nhà văn hóa thôn sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác) | | | |
| | | - Nhà văn hóa thôn có đầy đủ bàn ghế ngồi, trang trí khánh tiết, hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Nhà văn hóa thôn ở khu vực 2 và khu vực 3 có Wifi để phục vụ miễn phí cho nhân dân khai thác các thông tin hữu ích qua mạng phục vụ sản xuất và đời sống. | Wifi khuyến khích | Đạt | Đạt |
| | | - Nhà văn hóa thôn có tủ (kệ) sách (trên 100 đầu sách các loại phục vụ học tập, nghiên cứu, giải trí) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Thôn có Kế hoạch hoạt động văn hóa, thể thao hằng năm được UBND xã phê duyệt nhằm thu hút mọi người tham gia phong trào trong thôn; được UBND xã bố trí kinh phí hoạt động hằng năm | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Có hệ thống loa được kết nối với Đài truyền thanh xã (bằng vô tuyến hoặc hữu tuyến hoặc truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin) hoạt động tốt, thường xuyên cung cấp thông tin đến người dân trong thôn | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | b. Khu thể thao thôn | | | |
| | | - Có khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Khu thể thao thôn có một số dụng cụ luyện tập thể thao phù hợp với phong trào thể thao ở địa phương (như cầu lông, bóng chuyền, bóng đá...) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên | $\geq 30\%$ dân số trong thôn | $\geq 35\%$ dân số trong thôn | $\geq 40\%$ dân số trong thôn |
| | | c. Về văn hóa, thông tin | | | |
| | | - Thôn được công nhận “Thôn văn hóa” liên tục trong 03 năm tính đến năm xét công nhận | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa | $\geq 90\%$ | $\geq 90\%$ | $\geq 90\%$ |
| | | - Tỷ lệ hộ gia đình trên địa bàn thôn có phương tiện nghe – xem (tivi, radio) để tiếp cận thông tin | $\geq 90\%$ | $\geq 95\%$ | $\geq 98\%$ |
| | | - Tỷ lệ hộ gia đình có sử dụng ít nhất 01 thiết bị thông minh (điện thoại thông minh, máy vi tính bàn/xách tay, máy tính bảng) | $\geq 75\%$ | $\geq 85\%$ | $\geq 90\%$ |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|----|--------------|---|--------------------|-----------|-----------|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | | - Thôn có thành lập Tổ công nghệ cộng đồng theo quy định và tổ hoạt động hiệu quả theo nhiệm vụ được giao | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | d. Thôn có điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi bố trí ở địa điểm thuận lợi (những thôn khó khăn về diện tích có thể sử dụng cơ sở vật chất của nhà văn hoá thôn, khu thể thao thôn để bố trí điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | e. Thôn có quy ước, hương ước được xây dựng và thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ được UBND cấp huyện phê duyệt. Người dân tự nguyện đóng góp các khoản xây dựng thôn NTM kiểu mẫu như đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | g. Các di sản văn hóa trên địa bàn thôn (nếu có) được bảo tồn và phát huy tốt trong cộng đồng | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 6.2. Giáo dục | | | |
| | | - Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 | ≥ 98% | ≥ 99% | 100% |
| | | - Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học THCS | ≥ 98% | ≥ 99% | 100% |
| | | - Tỷ lệ học sinh tiểu học trên địa bàn thôn bỏ học | ≤ 01% | ≤ 01% | ≤ 01% |
| | | - Tỷ lệ học sinh THCS trên địa bàn thôn bỏ học | ≤ 03% | ≤ 02% | ≤ 01% |
| | | - Tỷ lệ học sinh tiểu học có năng lực, phẩm chất được đánh giá đạt trở lên và xếp loại hoàn thành các môn học (trừ học sinh khuyết tật, thiếu năng trí tuệ) | ≥ 99% | ≥ 99% | ≥ 99% |
| | | - Tỷ lệ học sinh THCS xếp loại học lực yếu, kém (trừ học sinh khuyết tật, thiếu năng trí tuệ) | ≤ 10% | ≤ 05% | ≤ 03% |
| | | - Tỷ lệ học sinh THCS xếp loại hạnh kiểm khá, tốt (trừ học sinh khuyết tật, thiếu năng trí tuệ) | ≥ 90% | ≥ 95% | ≥ 95% |
| | | - Thôn có xây dựng quỹ khuyến học và quản lý, sử dụng tốt quỹ khuyến học | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 6.3. Y tế | | | |
| | | - Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; được cấp túi y tế thôn theo quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Thôn không phát sinh đối tượng mắc bệnh xã hội (AIDS, lậu, sùi mào gà, giang mai) trong năm xét | Đạt | Đạt | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|----|---|---|--------------------|-----------|-----------|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | | công nhận do Trạm Y tế xã xác nhận | | | |
| | | - Tỷ lệ người dân tham gia BHYT | ≥ 95% | ≥ 95% | ≥ 95% |
| | | - Tỷ lệ dân số trên địa bàn thôn có sổ khám chữa bệnh điện tử | ≥ 50% | ≥ 55% | ≥ 55% |
| | | - Tỷ lệ hộ dân trong thôn có tủ thuốc y tế gia đình và tủ thuốc có chứa các loại thuốc thông thường và vật tư sơ cứu ban đầu (hoặc có nơi để thuốc y tế gia đình hợp lý, khoa học) | ≥ 98% | ≥ 95% | ≥ 95% |
| 7 | Môi trường | 7.1. Thôn có cảnh quan, không gian nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 7.2. Tỷ lệ hộ dân tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường (nếu trên địa bàn có dịch vụ này) | ≥ 90% | ≥ 95% | 100% |
| | | 7.3. 100% hộ gia đình trên địa bàn thôn đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; cam kết xử lý rác thải, xác động vật chết đúng nơi quy định | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 7.4. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức dọn vệ sinh, cắt cỏ, phát quang cây bụi, nạo vét, khai thông cống rãnh chung toàn thôn hoặc tại các điểm dân cư tập trung | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 7.5. Có tổ vệ sinh môi trường trên địa bàn thôn, có điểm tập kết rác thải chung đảm bảo vệ sinh trước khi thu gom | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 7.6. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn | ≥ 35% | ≥ 35% | ≥ 35% |
| | | 7.7. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường | ≥ 65% | ≥ 80% | ≥ 80% |
| | | 7.8. Mai táng theo quy hoạch và phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán của địa phương, phù hợp với truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại, không phô trương, lãng phí | Đạt | Đạt | Đạt |
| 8 | Chi bộ Đảng, Ban Phát triển thôn và các | 8.1. Chi bộ thôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm đánh giá xét công nhận | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 8.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt danh hiệu tiên tiến hoặc tốt trở lên trong năm đánh giá xét công nhận | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 8.3. Có Ban Phát triển thôn do cộng đồng dân cư bầu, hoạt động theo quy chế do cộng đồng dân cư | Đạt | Đạt | Đạt |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|---|--|---|--------------------|-----------|-----------|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | Đoàn thể chính trị | thống nhất và được Ủy ban nhân dân xã công nhận. Thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân thực hiện theo các tiêu chí quy định tại Quyết định này và Ban Phát triển thôn thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ trong xây dựng NTM được UBND xã giao | | | |
| | | 8.4. Trên địa bàn thôn không có bạo lực gia đình trong năm đánh giá; Ban Phát triển thôn và các đoàn thể chính trị thôn bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội; thực hiện tốt công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em theo Luật Trẻ em; thực hiện tốt các chính sách đối với người cao tuổi theo Luật Người cao tuổi và thực hiện tốt các chính sách đối với người đồng bào dân tộc thiểu số (<i>áp dụng đối với thôn có người dân tộc thiểu số</i>) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 8.5. Thôn có xây dựng Phương án thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu được UBND cấp huyện phê duyệt (<i>Phương án được lập theo phương pháp có sự tham gia của cộng đồng</i>) | Đạt | Đạt | Đạt |
| 9 | Quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội | 9.1. Quốc phòng | | | |
| | | - 100% công dân trong độ tuổi dân quân tự vệ, công dân nam trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ; chấp hành tốt việc đăng ký nghĩa vụ quân sự. Hoàn thành chỉ tiêu giao quân (nếu thôn có thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự); thôn đội trưởng là đảng viên | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Trong năm xét công nhận: Không có trường hợp bị tước danh hiệu Dân quân tự vệ; không có trường hợp thanh niên chống lệnh gọi nhập ngũ, chống khám nghĩa vụ quân sự | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 9.2. An ninh, trật tự xã hội | | | |
| | | - Hằng năm, Chi bộ thôn có Nghị quyết; Ban Nhân dân thôn có kế hoạch đảm bảo an ninh, trật tự và có bản đăng ký phần đầu đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo Thông tư 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021 của Bộ Công an; 100% hộ gia đình trong thôn cam kết giao ước thi đua xây dựng thôn (khu dân cư) “An toàn về an ninh, trật tự” | Đạt | Đạt | Đạt |
| - Trên địa bàn thôn không để xảy ra các hoạt động chống đảng, chính quyền; phá hoại kinh tế; tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật; không có khiếu kiện đông người, khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật | Đạt | Đạt | Đạt | | |

| TT | Tên tiêu chí | Nội dung tiêu chí | Chỉ tiêu đạt chuẩn | | |
|----|--|--|--------------------|-----------|-----------|
| | | | Khu vực 1 | Khu vực 2 | Khu vực 3 |
| | | - Trong năm, trên địa bàn thôn không để xảy ra các vụ án nghiêm trọng trở lên; không có công dân đăng ký thường trú hoặc tạm trú ở thôn phạm tội nghiêm trọng trở lên (<i>Bị cơ quan điều tra các cấp khởi tố bị can với khung hình phạt từ 03 năm tù giam trở lên</i>). | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Trong năm, trên địa bàn thôn không để phát sinh người mắc tệ nạn xã hội (<i>ma túy, mại dâm và cờ bạc</i>) bị xử lý hành chính trở lên | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động nghiêm trọng trở lên do công dân đang cư trú trên địa bàn thôn gây ra | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Có ít nhất 01 mô hình tự quản về ANTT hoạt động hiệu quả | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | - Công an viên (<i>bán chuyên trách</i>) hoàn thành tốt nhiệm vụ và không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên | Đạt | Đạt | Đạt |
| 10 | Hài lòng của người dân khi xây dựng thôn NTM kiểu mẫu | 10.1. Trên 90% hộ dân trên địa bàn thôn đồng ý, hài lòng về kết quả xây dựng thôn NTM kiểu mẫu của thôn được đánh giá (<i>do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã lấy ý kiến</i>) | Đạt | Đạt | Đạt |
| | | 10.2. 100% các tổ chức chính trị - xã hội của xã và Ban Nhân dân các thôn còn lại trên địa bàn xã có văn bản đồng ý xét công nhận thôn đạt chuẩn thôn NTM kiểu mẫu | Đạt | Đạt | Đạt |